| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN L**<br>**TỈNH Y** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số 135/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-12-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Duy Đô
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông H Đình Văn;
2- Bà Lê Thị Hương.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Ông Lý Văn Tầm- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2023/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2023/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn**: Chị **Nguyễn Thị Q** 29 tuổi
Địa chỉ: Thôn T- xã LĐ- huyện L- tỉnh Y, có mặt.

**Bị đơn**: Anh **Nguyễn Văn H** 32 tuổi
Địa chỉ: Tổ 8 thị trấn Y Th- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 12-10-2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn tháng 11 năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Y Th- huyện L- tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2021 đầu năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm dẫn đến tranh cãi nhau. Gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, hai người sống ly thân từ tháng 6 năm 2022. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Gia B sinh ngày 12-5-2016 hiện đang ở cùng mẹ; ly hôn chị sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi

tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y đã ra văn bản thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn H vắng mặt nên Toà án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục pháp luật quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn đã được triệu tập nhưng không có mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 357 Bộ luật Dân; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Q được ly hôn với anh H; giao con chung cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng; chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; anh H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn có địa chỉ thường trú tại thị trấn Y Th- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập, cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Văn H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn H kết hôn năm 2015, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Kết quả xác minh tại địa phương cơ bản phù hợp với lời khai của nguyên đơn cho thấy do nhiều nguyên nhân nên

trong thời gian qua vợ chồng chị Q- anh H không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau... Hai người cũng đã có thời gian dài sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Qúa trình giải quyết vụ án Toà án đã ra văn bản thông báo và triệu tập nhiều lần nhằm hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Nguyễn Văn H không có mặt tham gia các phiên hoà giải đã thể hiện không còn thiện chí tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này nữa; chị Nguyễn Thị Q khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Q và anh H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Q có căn cứ chấp nhận.

**[3] Về con chung**: Chị Nguyễn Thị Q và anh Nguyễn Văn H có một con chung là Nguyễn Gia B sinh ngày 12-5-2016 hiện đang ở cùng mẹ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà chị Q yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Xét hoàn cảnh thực tế anh H đang đi làm xa. Trong biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Gia B có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh H không có mặt để thể hiện quan điểm về vấn đề nuôi con, do đó cần giao con cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*", như vậy yêu cầu của chị Q về vấn đề này là chính đáng. Căn cứ kết quả xác minh về nhu cầu thiết yếu của trẻ em tại địa phương, Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng đối với cháu Nguyễn Gia B là 1.500.000 đồng/tháng.

**[4] Về tài sản chung; nợ chung:** Chị Q không yêu cầu nên vấn đề giải quyết không đặt ra.

**[5] Về án phí:** Chị Q phải chịu án phí ly hôn; anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**[6]** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên*

## QUYẾT ĐỊNH

**1- Về quan hệ hôn nhân**: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

**2- Về con chung**: Căn cứ các điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 357 Bộ luật Dân sự; giao cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 12-5-2016 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 01 năm 2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**3- Về án phí**: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12- 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, xác nhận chị Q đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2022/0001101 ngày 12-10-2023.

- Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

**4- Quyền kháng cáo**: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; chị Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

**5-** Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

*Nơi nhận:*
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND thị trấn Y Th;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

**Phan Duy Đô**